TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ GIÁO** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **10**/2023/HS-ST
Ngày 03 - 3 - 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ GIÁO, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mùi.

Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Nguyễn Trường Hải;
Ông Phạm Xuân Hào.

***- Thư ký phiên toà*:** Ông Trương Thành Long - Thư ký Toà án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương tham gia phiên toà: Bà Trần Thị Nương - Kiểm sát viên

Ngày 03 tháng 3 năm 2023, tại Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 106/2022/TLST - HS ngày 11 tháng 11 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2023/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 02 năm 2023 đối với bị cáo:

Họ và tên: Trần Vân N, sinh năm 1985 tại Bình Định; địa chỉ thường trú: Số F T, phường N, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Xuân Q và bà Võ Thị L; tiền án: Không; tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/8/2022 cho đến nay; bị cáo có mặt.

Bị hại:

- Ông Trần Đình N, sinh năm 1980; địa chỉ: Ấp Đ T, xã P, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương. Có mặt

- Bà Hoàng Thị H, sinh năm 1984; địa chỉ: Tổ 9, Ấp Đ T, xã P, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương. Có đơn xin vắng mặt

- Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1980; địa chỉ: Ấp B, xã V H, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương. Có đơn xin vắng mặt

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Công ty TNHH D D (VN); địa chỉ: Khu công nghiệp S M, xã B S, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Bùi Văn T, sinh năm 1972; địa chỉ: C ấp N P, xã H, huyện T B, tỉnh Đồng Nai. Có mặt

- Ông Dương Đình K, sinh năm 1986; địa chỉ: Ấp D, xã S, huyện T B, tỉnh Đồng Nai. Có đơn xin vắng mặt

Người làm chứng:

- Ông Phạm Văn L.

- Ông Nguyễn Hữu D.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Trần Vân N là nhân viên học việc tại Công ty TNHH D D (VN); địa chỉ: Khu công nghiệp S M, xã B S, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Bị cáo được phân công học việc vị trí nhân viên thương mại - chi nhánh Công ty TNHH D D (VN) tại Bình Dương, địa chỉ: Lô D-CN khu công nghiệp B, thị trấn L, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương. Ngày 19/6/2021, bị cáo đăng ký mở đại lý mới cho bà Nguyễn Thị H và bà Hoàng Thị H (là vợ ông Trần Đình N).

Ngày 24/7/2021, bị cáo và ông Trần Đình N liên hệ thỏa thuận về việc mua bán cám gia cầm. Ông N thỏa thuận lấy từ phía Công ty TNHH D D 500 bao cám với số tiền 130.525.000 đồng, bị cáo sẽ đến nhà ông N lấy tiền nộp vào tài khoản công ty trước khi giao cám. Cùng ngày bị cáo thỏa thuận với bà Nguyễn Thị H việc mua bán cám, bà H đồng ý lấy từ Công ty TNHH D D 70 bao cám với số tiền 20.000.000 đồng.

Sáng ngày 25/7/2021, ông Nguyễn Hữu D và ông Phạm Văn L trả nợ cho ông N số tiền 71.400.000 đồng. Khoảng 11 giờ 30 phút ngày 25/7/2021, bị cáo đến nhà ông N, bà H1 tại Ấp Đ T, xã P, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương. Tổng số tiền ông N, bà H đưa cho bị cáo là 130.525.000 đồng (trong đó có số tiền 71.400.000 đồng của ông D và ông Lợi trả nợ cho ông N). Sau đó, bị cáo và ông N làm giấy tờ viết tay mua bán cám và ghi tổng số tiền mà bị cáo đã nhận của ông N là 130.525.000 đồng, bị cáo hứa sẽ nộp số tiền trên vào tài khoản của Công ty TNHH D D và ngày 30/7/2021 sẽ giao 500 bao cám cho ông N. Khoảng 12 giờ 30 phút ngày 25/7/2021, sau khi lấy tiền từ nhà ông N, bà H bị cáo tiếp tục đến nhà bà Nguyễn Thị H tại Ấp B, xã V H, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương để thỏa thuận việc mua bán cám. Sau khi thỏa thuận xong, bà H đã giao cho bị cáo số tiền 20.000.000 đồng, bị cáo hứa sẽ nộp số tiền trên vào tài khoản của Công ty TNHH D D và ngày 30/7/2021 sẽ giao 70 bao cám cho bà H. Sau khi nhận tổng số tiền từ bà H và ông N là 150.525.000 đồng, bị cáo về phòng trọ tại thị trấn P V, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương. Bị cáo đã chiếm đoạt toàn bộ số tiền 150.525.000 đồng của bà H, ông N để trả nợ và tiêu xài cá nhân hết, bị cáo bỏ trốn vào ngày 26/7/2021.

Đến ngày 30/7/2021, bị cáo không giao cám cho ông N, bà H như đã thỏa thuận, bị cáo cũng không trả lại số tiền 130.525.000 đồng cho ông N, 20.000.000 đồng

cho bà H. Ông N đã nhiều lần liên lạc với bị cáo nhưng không được. Ngày 11/10/2021, ông N đến Công an xã P tố giác bị cáo có hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản. Ngày 29/10/2021, Công an xã P chuyển toàn bộ hồ sơ vụ việc đến Cơ quan CSĐT Công an huyện Phú Giáo thụ lý theo thẩm quyền. Ngày 09/9/2022, bà H tố giác hành vi của bị cáo đến Cơ quan CSĐT Công an huyện Phú Giáo. Quá trình làm việc, bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình.

Tại bản Cáo trạng số 104/CT-VKSPG ngày 09/11/2022 truy tố bị cáo Trần Vân N về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" quy định tại điểm c khoản 2 Điều 175 của Bộ luật Hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo thực hành quyền công tố tại phiên toà phát biểu lời luận tội đối với bị cáo và giữ nguyên quan điểm truy tố như Cáo trạng. Căn cứ vào tính chất của vụ án, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) tuyên bố bị cáo Trần Vân N phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" quy định tại điểm c khoản 2 Điều 175, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Trần Vân N từ 03 (ba) năm đến 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Ông Trần Đình N, bà Hoàng Thị H yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 130.525.000 đồng đã chiếm đoạt, bị cáo đồng ý nên đề nghị HĐXX chấp nhận. Bà Nguyễn Thị H rút yêu cầu Công ty TNHH D D (VN) bồi thường thiệt hại, đề nghị HĐXX chấp nhận.

Phần tranh luận, bị cáo không có ý kiến tranh luận, đồng ý với tội danh, mức hình phạt mà vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị. Trong lời nói sau cùng bị cáo ăn năn hối hận và xin HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng là đúng thẩm quyền. Quá trình tố tụng và tại phiên toà bị cáo và người tham gia tố tụng không khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng. Những chứng cứ, tài liệu do Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên thu thập; người tham gia tố tụng cung cấp là phù hợp với quy định của pháp luật tố tụng hình sự.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị hại bà Nguyễn Thị H; bà Hoàng Thị H, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Dương Đình K đã có đơn xin xét xử vắng mặt nên HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt họ theo quy định tại Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3] Tại phiên toà, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như sau: Bị cáo làm việc tại Công ty TNHH D D (VN) với vị trí nhân viên thương mại. Ngày 25/7/2021, bị cáo tiếp thị bán cám của Công ty TNHH D D (VN) cho 02 mã khách hàng là vợ chồng ông Trần Đình N, bà Hoàng Thị H và bà Nguyễn Thị H. Bị cáo được ông N giao số tiền 130.525.000 đồng để nộp về tài khoản của công ty, bị cáo hẹn ngày

30/7/2021 sẽ giao cho ông N 500 bao cám. Cùng ngày, bị cáo nhận của bà H 20.000.000 đồng để nộp về tài khoản của công ty, đến ngày 30/7/2021 sẽ giao cho bà H 70 bao cám. Tổng số tiền bị cáo nhận của ông N, bà H là 150.525.000 đồng nhưng không nộp về công ty, không giao cám cho ông N, bà H mà bị cáo đã chiếm đoạt để trả nợ, tiêu xài cá nhân, sau đó bỏ trốn.

Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với nội dung bản cáo trạng, của các bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ thu thập có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, đủ cơ sở kết luận bị cáo Trần Vân N phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 175 của Bộ luật Hình sự. Như vậy, Cáo trạng số 104/CT-VKSPG ngày 09/11/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Bị cáo đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 12 của Bộ luật Hình sự.

[4] Về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội:

Hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ mà còn gây ảnh hưởng đến tâm lý chung của nhân dân tại địa phương. Do động cơ vụ lợi nên sau khi nhận được tiền của các bị hại, bị cáo đã chiếm đoạt sử dụng vào mục đích cá nhân và bỏ trốn. Số tiền bị cáo chiếm đoạt của các bị hại là 150.525.000 đồng. Do đó, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 175 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, HĐXX cần áp dụng một mức án nghiêm khắc tương xứng với tính chất và mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, đủ sức răn đe, cải tạo, giáo dục bị cáo đồng thời nêu gương phòng ngừa chung cho xã hội. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt HĐXX cũng xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như nhân thân của bị cáo.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo.

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Tại cáo trạng của Viện kiểm sát và tại phiên tòa Kiểm sát viên thực hành quyền công tố đề nghị áp dụng tình tiết tăng nặng phạm tội 02 lần trở lên đối với bị cáo theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Trần Vân N tranh luận không đồng ý tình tiết tăng nặng phạm tội 02 lần trở lên do trong cùng một ngày bị cáo chiếm đoạt tổng số tiền của các bị hại, việc chiếm đoạt của bị cáo là liên tục nên đề nghị không áp dụng tình tiết tăng nặng đối với bị cáo. HĐXX xét thấy, bị cáo đã chiếm đoạt của bị hại ông Trần Đình N, bà Hoàng Thị H số tiền 130.525.000 đồng, chiếm đoạt của bị hại bà Nguyễn Thị H số tiền 20.000.000 đồng. Cả 02 lần chiếm đoạt đều đủ yếu tố cấu thành tội phạm của tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản". Do đó, bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự phạm tội 02 lần trở lên theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ nên được chấp nhận. Sau khi tranh luận với Kiểm sát viên thì bị cáo thống nhất về việc áp dụng tình tiết tăng nặng đối với bị cáo.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

- Bị hại ông Trần Đình N, bà Hoàng Thị H yêu cầu bị cáo Nam bồi thường thiệt hại 130.525.000 đồng. Bị cáo đồng ý với yêu cầu của ông N, bà H. Xét thỏa thuận của bị cáo và bị hại ông N, bà H là phù hợp với quy định của pháp luật nên HĐXX chấp nhận.

- Ngày 02/3/2023, bị hại bà Nguyễn Thị H có đơn rút yêu cầu Công ty TNHH D D (VN) bồi thường thiệt hại, việc rút yêu cầu bồi thường của bị hại bà H là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên HĐXX chấp nhận.

[7] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, trách nhiệm dân sự là phù hợp nên HĐXX chấp nhận.

[8] Về ý kiến tranh luận, lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo đồng ý với lời luận tội, đề nghị về tội danh, áp dụng tình tiết tăng nặng, đề nghị về hình phạt là phù hợp nên được HĐXX chấp nhận.

[9] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điểm c khoản 2 Điều 175; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38, khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585, 589 Bộ luật Dân sự; Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án. Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

1. Tuyên bố bị cáo Trần Vân N phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản".

Xử phạt bị cáo Trần Vân N 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 29/8/2022.

2. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Trần Vân N phải bồi thường cho ông Trần Đình N và bà Hoàng Thị H số tiền 130.525.000đ (một trăm ba mươi triệu năm trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền thì hàng tháng bên phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3. Về án phí:

- Buộc bị cáo Trần Vân N phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

- Buộc bị cáo Trần Vân N phải nộp 6.526.300đ (sáu triệu năm trăm hai mươi sáu nghìn ba trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại ông Trần Đình N, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH D D (VN) được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại bà Nguyễn Thị H, bà Hoàng Thị H người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Dương Đình K được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Phú Giáo;
- Công an huyện Phú Giáo;
- Chi cục THADS huyện Phú Giáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Mùi